

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày 15/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài

sản giữa anh T với chị T1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Nam;

Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, (có đơn xin vắng mặt);

Nơi thường trú: thôn Y, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Lạc Thị Hoài T1, sinh năm 2006, (có đơn xin vắng mặt);

Nơi thường trú: thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: bản Thép, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2025, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau, nên chị Lạc Thị Hoài T1 có nhiều lần vay tiền của anh, khi thì chị T1 hỏi vay tiền để đưa con đi bệnh viện, khi thì hỏi vay tiền để mua thuốc. Từ ngày 09/01/2015 đến ngày 12/6/2025 anh đã nhiều lần chuyển tiền từ số tài khoản của anh (số tài khoản 0591000275135 tại Ngân hàng V) đến số tài khoản của chị T1 (số tài khoản 8824146554 tại Ngân hàng B và số tài khoản 8888376384711 tại Ngân hàng A) cho chị T1 vay với tổng số tiền là 69.365.000 đồng. Khi chị T1 hỏi vay tiền là để chi phí cho con ốm đau nên anh với chị T1 không thỏa thuận về lãi suất. Sau nhiều lần thấy chị T1 hỏi vay tiền mà không thấy chị T1 trả nên anh đã nhiều lần nhắn tin đòi tiền chị T1 nhưng chị T1 chỉ khất nợ mà không tự giác trả cho anh.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T1 phải trả cho anh số tiền

69.365.000 đồng, anh không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 23/12/2024 và những lời khai tiếp theo, bị đơn chị Lạc Thị Hoài T1 trình bày:

Chị xác nhận anh T có chuyển tiền nhiều lần cho chị vào 02 số tài khoản của chị (số tài khoản 8824146554 và số tài khoản 8888376384711) với tổng số tiền là 69.365.000 đồng. Tuy nhiên số tiền trên chị không vay của anh T, thực tế trước đây khoảng từ đầu năm 2025 chị với anh T có phát sinh tình cảm và qua lại với nhau. Số tiền này là anh T hỏi thăm chị khi chị có khó khăn về kinh tế, chị không hỏi vay anh T và không hứa hẹn gì với anh T. Vì chị xác định có quan hệ tình cảm với anh T nên chị nhận và không suy nghĩ gì. Khoảng giữa tháng 7/2025 chị với chồng hàn gắn và về đoàn tụ, nên chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm với anh T. Sau đó anh T có nhắn tin nhằm níu kéo chị nhưng chị không đồng ý nên anh T đã đòi chị phải trả số tiền trên.

Nay anh T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền trên, chị không nhất trí.

Tại phiên tòa, chị T1 có đơn xin vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc chị Lạc Thị Hoài T1 phải trả anh Nguyễn Văn T số tiền 69.365.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Anh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết giao dịch vay tài sản, bị đơn là chị T1 có nơi ở tại bản Thép, xã Y, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng, mặc dù khi lập hợp đồng giữa anh T với chị T1 thì anh T có vợ là chị Định Thị N, nhưng anh T xác định đây là tiền riêng của anh, không liên quan đến chị N. Đồng thời, chị N cũng xác định đây là tiền riêng của anh T, không liên quan đến chị và chị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Mặt khác, anh T chỉ yêu cầu cá nhân chị T1 trả tiền. Do đó, Tòa án không đưa chị N và anh K (chồng chị T1) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của anh T:

Kèm theo đơn khởi kiện, anh T có nộp các bản sao kê chuyển khoản từ số tài khoản 0591000275135 đến số tài khoản của chị T1 (số tài khoản 8824146554 và số tài khoản 8888376384711) các lần chuyển tiền cụ thể: Ngày 09/01/2025 chuyển 500.000 đồng, ngày 10/01/2025 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 14/4/2025 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 30/4/2025 chuyển 2.485.000 đồng, ngày 02/5/2025 chuyển 300.000 đồng, ngày 04/5/2025 chuyển 02 lần số tiền 4.000.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng, ngày 07/5/2025 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 08/5/2025 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 10/5/2025 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 11/5/2025 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 13/5/2025 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 14/5/2025 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 17/5/2025 chuyển 3.000.000 đồng, ngày 18/5/2025 chuyển 02 lần số tiền 12.000.000 đồng và số tiền 2.000.000 đồng, ngày 19/5/2025 chuyển 3.000.000 đồng, ngày 20/5/2025 chuyển 02 lần số tiền 2.000.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng, ngày 21/5/2025 chuyển 02 lần số tiền 1.500.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng, ngày 26/5/2025 chuyển 680.000 đồng, ngày 28/5/2025 chuyển 4.000.000 đồng, ngày 31/5/2025 chuyển 1.400.000 đồng, ngày 06/6/2025 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 12/6/2025 chuyển 500.000 đồng, tổng số 26 lần chuyển tiền với tổng số tiền là 69.365.000 đồng. Số tiền trên anh T xác định là cho chị T1 vay để chị T1 lo việc gia đình và chi phí cho con đi viện. Còn chị T1 xác định có được nhận số tiền trên nhưng đây là số tiền anh T cho chị.

Hội đồng xét xử thấy, toàn bộ các lần anh T chuyển tiền cho chị T1 thì đều không ghi nội dung, nhưng chị T1 thừa nhận đã nhận được tổng số tiền 69.365.000 đồng do anh T chuyển khoản. Chị T1 cho rằng toàn bộ số tiền trên là anh T cho chị, nhưng chị T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định chị T1 có vay của anh T tổng số tiền 69.365.000 đồng gốc.

Tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn như sau: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Như vậy yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, anh T yêu cầu cá nhân chị T1 phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 69.365.000 đồng. Do vậy, cần xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân chị T1.

[4]. Về lãi suất: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: cần áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền án phí được tính cụ thể như sau: 69.365.000 đồng x 5% = 3.468.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Buộc chị Lạc Thị Hoài T1 phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền gốc là 69.365.000 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Lạc Thị Hoài T1 phải chịu 3.468.000 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 1.734.000 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002255 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THA dân sự tỉnh Bắc Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy